

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/ HSST-CTN

Ngày: 21/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Thẩm phán: Bà Đinh Thị Như Phượng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn C - Nguyên Hiệu trưởng trường PTTH Pleiku, Gia lai; ông Võ Hoàng và ông Trần Minh Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2023/TLST-HS-CTN ngày 16/01/2023 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 06/3/2023 đối với các bị cáo sau:

1. PHẠM THÀNH L (tên gọi khác: B), sinh ngày 06/6/2004, tại tỉnh Gia Lai (khi phạm tội 17 năm 7 tháng 25 ngày tuổi); nơi cư trú: A H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Thợ thạch cao; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1982; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Tại Bản án số 10/2022/HSST-CTN ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí Q dụng” và tại Bản án số 22/2022/HSST-CTN ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt tại 02 Bản án bị cáo đang phải chấp hành hình phạt chung là 30 tháng tù (bị cáo chưa chấp hành hình phạt).

Bị bắt từ ngày 18/8/2022 đến nay. Hiện đang bị giam tại Trại giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. LÊ QUỐC K, sinh ngày 28/04/2005, tại tỉnh Bình Đ (khi phạm tội 16 năm 9 tháng 03 ngày tuổi); nơi cư trú: T N, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1975 và bà Lê Thị H, sinh năm 1986; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày **26/4/2022** cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. TRẦN VĂN DUY H, sinh ngày 16/3/1997, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: A H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Thợ thạch cao; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1965 và bà Võ Thị H, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. HOÀNG VĂN QUYẾT T, sinh ngày 17/01/2003, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: I S, tổ D, phường Đ, thành phố T phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trường S, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết Đ áp dụng biện pháp hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 142/QĐ-UBND ngày 15/10/2021, bị Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai **xử phạt 03 tháng**. Về nhân thân: Tại **bản án số 22/2022/HSST-CTN** ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt **18 tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng” (bị cáo chưa chấp hành hình phạt); bị bắt từ ngày **05/11/2022** đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. NGUYỄN HỮU Q, sinh ngày 03/02/2004, tại tỉnh Gia Lai (khi phạm tội 17 năm 11 tháng 28 ngày tuổi); nơi cư trú: E H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978 và bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Tại **bản án số 22/2022/HSST-CTN** ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt **14 tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng” (bị cáo chưa chấp hành hình phạt); bị bắt từ ngày **14/10/2022** đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. NGUYỄN VĂN C, sinh ngày 26/02/1999, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: O H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Đang học nghề; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T, sinh năm 1968; có vợ tên Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 2001; có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm T L: Ông Tống Đức N – Luật sư Văn Phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. **Có mặt.**

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc K: Ông Hoàng Ngọc X – Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. **Có mặt.**

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm T L: Ông Phạm Thanh B và bà Lê Thị Tuyết N (cha mẹ đẻ); cùng địa chỉ: A H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Ông B vắng mặt, bà N có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Quốc K: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H (cha mẹ đẻ); cùng địa chỉ: T N, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu Q: Ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị Thanh H (cha mẹ đẻ); cùng địa chỉ: E H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

- Bị hại: Anh Lê T L, sinh năm 1994 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Số U N, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt, **có đơn xin xét xử vắng mặt.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Trường S, sinh năm 1970; địa chỉ: Số I S, tổ L, phường Đ, T phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

+ Bà Võ Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số E H, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số Q N, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Số T N, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số U N, tổ L, phường Y, thành phố P, tỉnh G. **Có mặt.**

- Đại diện đoàn thanh niên phường Y, thành phố P, tỉnh G: **ông Hồ Đức C chức vụ bí thư đoàn phường. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản Cáo trạng nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 31/01/2022 (chiều 29 tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022), Nguyễn Ngọc T (Sinh năm: 1997, trú tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh G) nhờ anh em, bạn bè gồm: Trần Văn Duy H, Nguyễn Quốc C (Sinh năm: 2002, trú tổ L, phường Y), Nguyễn Hữu Q, Phạm T L và Hoàng Văn Quyết T vận chuyển cây mai cảnh bán tết còn thừa giúp cho Nguyễn Ngọc T từ chợ hoa Xuân về vườn của gia đình T ở hẻm A N, thuộc tổ L, phường Y đề cất. Đến khoảng 17h cùng ngày thì xong, sau đó Ngọc T mời mọi người ăn nhậu luôn tại vườn. Khi nhậu, có Nguyễn Văn P (Sinh năm Q, trú tổ L, phường Y, là anh họ của Ngọc T) cũng đến nhậu cùng. Nhậu đến

khoảng 21h cùng ngày thì P nghỉ trước đi về nhà ngủ, những người còn lại tiếp tục nhậu. Đến khoảng 23h cùng ngày thì C nhận được cuộc gọi của Nguyễn Văn P nhờ đến nhà chờ xuống số Q đường N, thuộc tổ L, phường Y để P nói chuyện với Lê T L (là em con cô ruột của P, trước khi nhờ C đến nhà chờ thì P nhận được tin nhắn Messenger của L dọa sáng mai Mừng 1 tết Nguyên Đán sẽ đến nhà mở hàng để đòi nợ số tiền 700.000 đồng mà P nợ L trước đó gần 1 năm, P sợ nếu Mừng 1 Tết L đến nhà đòi nợ thật sẽ xui xẻo cả năm nên nhắn lại cho L là giờ lên luôn hay để mấy đứa xuống cho L mở hàng, L thấy P nhắn như thế thì thách thức nhắn lại, P hẹn gặp trước cổng nhà L thì L đồng ý và nhắn: “Xuống liền đi mày”, thấy L thách thức thì P nhắn “Đợi anh 10 phút” và gọi cho C nhờ chờ xuống nhà L để gọi L ra nói chuyện mai đừng đến nhà đòi). C mượn xe của Ngọc T đến nhà chờ P đến trước nhà L thì để P ở đó rồi quay về nhà Ngọc T nhậu tiếp. P ở lại nhắn tin, gọi L ra nói chuyện nhưng L không ra và chửi P, P gọi điện giục nhưng L vẫn không ra mà thách P vào nhà nhưng P không vào mà kiên quyết gọi L ra đường nói chuyện.

Trong khi đợi L thì P gọi điện cho C nói: “Em với mấy đứa xuống đứng nói chuyện với anh chứ anh đứng có một mình”. Khi đó C đang nhậu cùng H, L, Q, Ngọc T và Quyết T ở vườn nhà Ngọc T, C mở loa ngoài nên mọi người cùng nghe thấy, sau đó cả nhóm biết C mới đi chờ P đến nhà L để gọi L ra nói chuyện gì đó về nợ nần tiền bạc do L dọa mai mừng 1 tết sẽ đến nhà P đòi tiền, cả nhóm nghĩ P gọi xuống cùng P gọi L ra nói chuyện nên thống nhất nghỉ nhậu rồi đi xuống chỗ P, khi cả nhóm đến nơi thấy P vẫn đang đứng một mình trước nhà L, cổng sắt nhà L đang đóng kín. Cả nhóm gồm P, H, L, Q, Ngọc T, Quyết T và C cùng đứng trước nhà chờ L ra, đứng một lúc thì L lấy xe của Ngọc T chạy đến bàn Bi da cách đó khoảng 1km để gọi em trai về, còn C thì đi bốc mai giúp cho người quen. P, H, Q, Ngọc T và Hoàng T tiếp tục đứng chờ L thì Nguyễn Văn C đang nhậu ở gần đó thấy nên đi sang hỏi thăm rồi đứng cùng luôn. Cả nhóm đứng đợi mãi không thấy L ra thì P gọi điện cho L ra nhưng L không nghe máy, P gọi to vào nhà nhưng L vẫn không ra. Lúc này, ở trong nhà L biết P đã gọi thêm nhiều người đi cùng nên sợ ra sẽ bị đánh, L gọi điện cho anh Nguyễn Chí T (Sinh năm: 1987, cách nhà L vài chục mét, là anh em họ của L) nhờ đến nhà xem P với đám nào đang la lối ở trước nhà, T đã rủ anh Nguyễn Văn Đ (Sinh năm: 1981, ở đối diện nhà T) đi cùng. Khi thấy anh T và anh Đ đến thì P đến gặp, nói chuyện, những người đi cùng P thấy thế cũng áp sát lại Đ gây sự nhưng P cản lại nói không phải những người này nên cả nhóm giãn ra và đi qua bên kia đường đứng, còn một mình P đứng lại nói chuyện với T và Đ, ngay lúc đó Phạm T L cũng chạy xe về và dựng xe gần mép đường bên phải. Khi P đứng nói chuyện với T và Đ thì C đứng gần đó nên có nói với Đ câu gì đó, nói qua lại được vài câu thì Đ và C to tiếng với nhau. Thấy vậy, H tưởng anh Đ dọa đánh C nên đi đến dùng tay nắm vào mặt anh Đ 2 đến 3 cái, thấy vậy L, Hoàng T, Q và C cũng dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người anh Chí T, lúc này Lê Quốc K đi xe mô tô một mình qua, thấy đánh nhau thì K dựng xe ở giữa đường rồi đi đến dùng chân đá anh T hai cái, Ngọc T cũng đến dùng tay nắm anh T một cái, P chỉ đứng nhìn chứ không có hành động gì. Khi bị đánh thì anh T kêu, la

to: “L ơi tụi nó đánh anh” nên L cùng mẹ là Nguyễn Thị Ngọc L, cha là Lê Văn T và em rể là Nguyễn Duy T mở cổng sắt đi ra, khi ra L cầm theo một khúc cây dài khoảng 30cm (loại cây gỗ vuông 3x3cm), thấy L và người nhà ra thì những người đi cùng P tản ra, K điều khiển xe rời khỏi hiện trường, thấy L ra thì T nói: “Thằng H, Thằng H” nên L cầm khúc cây (3x3)cm chạy đến chỗ H đang đứng, thấy vậy H bỏ chạy vào trong sân nhà bà Hai N (đối diện nhà L) để trốn thì L và T cùng đuổi theo vào trong sân, lúc này Đ nhặt cục gạch ở lòng đường rồi chạy đến chặn trước đường chạy ra của H, H chuyển hướng chạy ra phía giữa đường thì bị bà Nguyễn Thị N, L quơ tay chụp, kéo lại làm H mất đà loạng choạng, T trèo tắt qua bờ tường sân nhà bà N chạy đến chụp, giữ H lại, L, Chí T và Đ cũng chạy đến, thấy L cầm khúc cây Đ lao vào đánh H thì bà L ôm giữ L lại, T và T dùng tay, chân đánh H khi H đã bị té ngã. Lúc này, Nguyễn Chí T (Sinh năm 1997, trú tại tổ L, phường Y, em trai Chí T) chạy xe mô tô qua thấy đánh nhau nên dừng lại đứng xem.

Lúc này Phạm T L, Nguyễn Hữu Q, Hoàng Văn Quyết T và Nguyễn Văn C đứng trước bàn Bi da Minh T (cách hiện trường khoảng 20m) nhìn thấy H bị vây đánh thì mỗi người nhặt 1 cục Gạch (gạch xây dựng có 6 lỗ) đi đến để đánh nhóm của L giải vây cho H, Ngọc T đang đứng gần thấy T đánh H nhiều thì vào ôm T kéo ra, bị kéo ra T dùng tay đánh T nhiều cái, T dùng tay đánh lại một cái. Lúc này ở phía trong P cùng bà L ôm, can L đánh H. Khi T đang đánh Ngọc T thì Phạm T L đi đến vị trí bà L đang đứng rồi cầm cục gạch bằng tay phải đập mạnh một cái vào vùng đầu, mặt bên trái của bà L làm bà L ngã ngửa ra đường rồi bỏ chạy, thấy vậy anh Đ cầm gạch đuổi theo ném L nhưng không trúng, thấy bà L bị đánh và bị thương ở mặt mọi người không đánh nhau nữa mà tản ra, P và L bá vai nhau nói chuyện, Hoàng T, Q và C cầm gạch đến vị trí H bị đánh trước đó nhưng thấy mọi người không đánh H nữa nên không có hành động gì rồi ném vào ven đường và rời khỏi hiện trường. Khi con gái ra đỡ bà L đi vào nhà thì bà L bị choáng nên ngã ngửa ra đường nằm bất động, thấy vậy L chạy quanh tìm người đánh gây thương tích cho mẹ mình nhưng không thấy, T thấy P đang đứng gần mình nên dùng tay đánh (T cho rằng do P đến gây sự nên mẹ vợ mình mới bị đánh) thì P bỏ chạy vào sân nhà bà N đứng, lúc này anh Đ nhìn thấy nên cầm gạch đuổi theo giữ P lại rồi kéo ra đường, khi ra đến mép đường thì ông T nhìn thấy nên bức xúc đã chạy đến giật cục gạch trong tay Đ đánh một cái vào hông trái của P, và ném gạch vào vùng đầu của P nhưng P vùng tay lên đỡ nên cục Gạch bay ra chỗ khác, thấy vậy Ngọc T chạy đến can ngăn kéo ông T ra, Chí T cũng chạy đến đánh P nhưng Ngọc T cản lại, sau đó L chạy đến dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, mặt của P, Ngọc T lại đến can, đẩy L ra, Chí T xô, đẩy Đ đánh P nhưng mọi người can ngăn nên thôi, L được Ngọc T can ngăn nhưng đang bức xúc nên tiếp tục lao đến đòi đánh P, Ngọc T bị T giữ lại đòi đánh thì thả L ra, L đến chỗ P tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, mặt P, lúc này Lê Quốc K lái xe quay lại thấy anh họ của mình là P đang bị L đánh đã vào can ngăn kéo ra nhưng L vẫn đánh, K vào lẻ đường nhặt cục gạch 6 lỗ đánh hai cái vào đầu và trán của L gây thương tích, thấy K đánh L thì Chí T chạy đến mở cốp xe lấy con dao cạo đất chạy đến đâm vào người K nhưng

không trúng. Bị thương nên L chạy về nhà rồi được người nhà chở đi cấp cứu cùng bà L tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai. L điều trị đến ngày 07/02/2022 thì xuất viện, Bà L được gia đình đưa vào thành phố Hồ Chí Minh điều trị tiếp. Cả hai người điều trị thêm một thời gian nữa thì bình phục.

* Tại Bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 42/22/TgT ngày 10/03/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L:

1. Dấu hiệu chính qua giám Đ:

- Một sọc vết thương phần mềm hình chữ “U” vùng cung mày trái kích thước (4,5x0,3)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều.
- Một sọc vết thương phần mềm vùng trên ngoài cung mày trái kích thước (1,5x0,2)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều.
- Một sọc vết thương phần mềm vùng sống mũi trái đến khóe mắt trái kích thước (2x0,2)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều.
- Chấn thương vùng mắt trái gây gãy thành trong và ngoài xương ổ mắt.
- Chấn thương vùng mắt trái gây xuất huyết dịch kính, võng mạc vùng hoàng điểm, bong tổn thương biểu mô sắc tố, mất liên tục, biến đổi cấu trúc võng mạc gây ảnh hưởng đến thị lực mắt trái thị lực đếm ngón tay 3m, thị lực mắt trái <1/20 (chính khúc xạ không tăng), thị lực mắt phải 9/10.
- Chấn thương vùng hàm mặt gây gãy thành ngoài xương hàm trái không di lệch.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám Đ là: 47% (Bốn mươi bảy phần trăm).

* Tại Bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 41/22/TgT ngày 10/3/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai đối với Lê T L:

1. Dấu hiệu chính qua giám Đ:

- Một sọc vết thương phần mềm nằm dọc vùng trán trái từ chân tóc xuống đến giữa cung mày trái kích thước (7x0,3)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều.
- Một sọc vết thương phần mềm nằm dọc vùng đỉnh đầu kích thước (8x0,3)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều;
- Một sọc vết thương phần mềm vùng thái dương trái kích thước (2x0,3)cm, sọc liền, màu hồng, bờ mép không đều.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám Đ là: 9% (Chín phần trăm).

* Vật chứng của vụ án: 02 (hai) viên gạch vỡ màu đỏ gạch, không rõ hình dạng, có kích thước lần lượt như sau:

- 01 (một) Viên có kích thước (16x12x8)cm;
- 01 (một) Viên có kích thước (11x15x8)cm.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Ông Lê Văn T, là cha bị cáo Lê Quốc K bồi thường cho bị hại Lê T L và gia đình số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K;

- Ông Phạm Thanh B, là cha bị cáo Phạm T L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc L và gia đình số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Ông Hoàng Trường S, là cha bị cáo Hoàng Văn Quyết T hỗ trợ cho bà L và gia đình số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Bà Võ Thị H, là mẹ Trần Văn Duy H hỗ trợ cho bà L và gia đình số tiền: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Bà Võ Thị Thanh H, là mẹ bị cáo Nguyễn Hữu Q hỗ trợ cho bà L và gia đình số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Bà Trần Thị T, là mẹ bị cáo Nguyễn Văn C hỗ trợ cho bà L và gia đình số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Bà Lê Thị L, mẹ của Nguyễn Văn P hỗ trợ cho bà L và gia đình số tiền: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Ngọc L và gia đình đã nhận đền bù và hỗ trợ là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà L và gia đình không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 12/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Phạm T L và Lê Quốc K về tội: “Giết người” theo quy Đ tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Trần Văn Duy H, Hoàng Văn Quyết T, Nguyễn Hữu Q và Nguyễn Văn C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến phiên tòa:

- Các bị cáo Phạm T L, Lê Quốc K, Trần Văn Duy H, Hoàng Văn Quyết T, Nguyễn Hữu Q và Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Phạm T L và Lê Quốc K phạm tội “Giết người”; Các bị cáo Trần Văn Duy H, Hoàng Văn Quyết T, Nguyễn Hữu Q và Nguyễn Văn C phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

+ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm T L** mức án từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù;

+ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 91, Điều 101 và **Điều 54** của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Quốc K** từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Văn Duy H** và bị cáo **Nguyễn Văn C** mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Quyết T** từ 12 đến 15 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Q** từ 12 đến 15 tháng tù;

+ Về dân sự: Bị hại và gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác, nên không xem xét;

+ Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng;

+ Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự theo quy Đ.

- Các luật sư bào chữa cho các bị cáo đều có quan điểm: Đồng ý với tội danh mà bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Xét thấy các bị cáo khi phạm tội tuổi đời còn trẻ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; sau phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường thiệt hại; được phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là cao. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L, K, H T, và bị cáo C; áp dụng thêm điểm i khoản 1, Điều 51 đối với bị cáo H và bị cáo C; áp dụng thêm Điều 91, khoản 1 Điều 101 đối với bị cáo L, K và bị cáo Q để giảm hình phạt cho các bị cáo dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Đại diện hợp pháp của các bị cáo L, K, Q là người chưa thành niên có ý kiến: Thống nhất như quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo, không có ý kiến gì thêm liên quan đến phần đã bồi thường cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bị hại anh Lê T L và chị Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến: Không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì thêm liên quan đến phần đã bồi thường, hỗ trợ cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Đoàn thanh niên phường Y, thành phố P, tỉnh G có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

NH Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Xuất phát từ việc Lê T L nhắn tin dọa vào sáng 01 tết đến nhà Nguyễn Văn P đòi số tiền 700.000 đồng mà P nợ L trước đó gần 1 năm. Sau đó P và L tiếp tục nhắn tin qua lại hẹn gặp nhau tại nhà L để nói chuyện; P gọi điện nhờ C chở P đến trước nhà L rồi C quay về nhà.

Trong khi đợi L thì P gọi điện cho C nói: “Em với mấy đứa xuống đứng nói chuyện với anh chứ anh đừng có một mình”

Khi đó C đang nhậu cùng H, L, Q, Ngọc T và Quyết T ở vườn nhà Ngọc T, C mở loa ngoài nên mọi người cùng nghe, sau đó cả nhóm gồm P, H, L, Q, Ngọc T, Quyết T và C đi xuống thấy P vẫn đang đứng một mình trước nhà L, cổng sắt nhà L đang đóng kín, lúc này Nguyễn Văn C đang nhậu ở gần đó thấy nên đi sang hỏi thăm rồi đứng cùng luôn.

P gọi điện cho L ra nhưng L không nghe máy, biết P đã gọi thêm nhiều người đi sợ ra sẽ bị đánh, L gọi điện nhờ anh Nguyễn Chí T đến nhà xem, T đã rủ anh Nguyễn Văn Đ đi cùng.

Khi P đứng nói chuyện với T và Đ thì C đứng gần đó nói chuyện to tiếng với Đ. Thấy vậy, H dùng tay đâm vào mặt anh Đ 2 đến 3 cái, cùng lúc L, Hoàng T, Q và C cũng dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người anh Chí T, lúc này Lê Quốc K dùng chân đá anh T hai cái, Ngọc T cũng đến dùng tay đâm anh T một cái. Khi bị đánh T kêu, la thì L cầm theo một khúc cây dài khoảng 30cm cùng mẹ là Nguyễn Thị Ngọc L, cha là Lê Văn T và em rể là Nguyễn Duy T mở cổng sắt đi ra và hai bên xảy ra xô xát đánh nhau.

Phạm T L cầm cục gạch đi đến vị trí bà L đang đứng đập mạnh một cái vào vùng đầu, mặt bên trái của bà L làm bà L ngã ngửa ra đường rồi bỏ chạy; còn Lê Quốc K nhặt cục gạch 6 lỗ đánh hai cái vào đầu và trán của L. Bị thương nên L chạy về nhà rồi được người nhà chở đi cấp cứu cùng bà L tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai. L điều trị đến ngày 07/02/2022 thì xuất viện, còn bà L được gia đình tiếp tục đưa vào thành phố Hồ Chí Minh điều trị.

* Tại Bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 42/22/TgT ngày 10/03/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám Đ là: **47%**.

* Tại Bản kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 41/22/TgT ngày 10/03/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai đối với Lê T L: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám Đ là: **9%** (Chín phần trăm).

Lời khai của các bị cáo phù hợp với với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Do đó hành vi các bị cáo Phạm T L, Lê Quốc K đã phạm vào tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; và hành vi của các bị cáo Trần Văn Duy H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q và Hoàng Văn Quyết T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự mà Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ.

[2] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo Phạm T L dùng cục gạch là loại hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu của người bị hại bà L; và hành vi của bị cáo Lê Quốc K dùng cục gạch là loại hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu của bị hại L, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại; Hành vi của các bị cáo Trần Văn Duy H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q và Hoàng Văn Quyết T tham gia tụ tập gây mâu thuẫn đánh nhau với nhóm của bị hại L làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh và trật tự tại địa bàn. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để răn đe giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên các bị cáo L, T và Q là những người có nhân thân xấu, đều đã bị xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngoài ra bị cáo L còn bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí Q dụng”.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm T L, Lê Quốc K, Trần Văn Duy H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q và Hoàng Văn Quyết T sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ cho phía bị hại. Do đó tất cả các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H và C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo L, K và Q khi phạm tội là người chưa thành niên nên áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xử lý.

Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo L và K chưa đạt nên áp dụng thêm Điều 15, khoản 3 Điều 57 để xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: Tiêu hủy các vật chứng của vụ án gồm 02 (hai) viên gạch vỡ màu đỏ gạch, không rõ hình dạng, có kích thước lần lượt như sau: 01 (một) Viên có kích thước (16x12x8)cm và 01 (một) Viên có kích thước (11x15x8)cm.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Đối với hành vi đánh nhau, gây rối của các đối tượng khác có liên quan Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đã có Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số: 82/PC-CSHS ngày 05/12/2022, đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Pleiku để kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm T L và Lê Quốc K phạm tội “Giết người”; các bị cáo Trần Văn Duy H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q và Hoàng Văn Quyết T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 91, Điều 101; Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm T L **7 (Bảy)** năm tù.

Áp dụng Điều **56** của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của bản án số 22/2022/HSST-CTN ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, bị cáo Phạm T L phải chấp hành hình phạt chung là **9 (Chín)** năm **6 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022.

2.2 Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 91, Điều 101; Điều 15, khoản 3 Điều 57; **Điều 54** Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Quốc K **4 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2022.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 318; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, **Điều 58** Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Quyết T **12 (mười hai)** tháng tù.

Áp dụng Điều **56** của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của bản án số 22/2022/HSST-CTN ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, bị cáo Hoàng Văn Quyết T phải chấp hành hình phạt chung là **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2022.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 318; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 101; **Điều 58** Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q **10 (Mười)** tháng tù.

Áp dụng Điều **56** của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 14 tháng tù của bản án số 22/2022/HSST-CTN ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Hữu Q T phải chấp hành hình phạt chung là **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2022.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 318; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 58**; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Duy H **9 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **9 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) viên gạch vỡ màu đỏ gạch, không rõ hình dạng, có kích thước lần lượt như sau: 01 (một) Viên có kích thước (16x12x8)cm và 01 (một) Viên có kích thước (11x15x8)cm.

*Các vật nêu trên có đặc điểm ghi tại biên bản giao nhận vật chứng **số 41/2023 lập ngày 02/2/2023**, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.*

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm T L, Lê Quốc K, Trần Văn Duy H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q và Hoàng Văn Quyết T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng,
- T20 – Công an tỉnh Gia Lai;
- Lưu Tòa GD&NCTN, VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Sinh